## PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN

**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**

## **MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

## **MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 - 2023**

**I. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 1 nội dung chương I, II, III (Hết bài 13), V, VI, VII (Hết bài 28), VIII (Hết bài 40).*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 5 câu), mỗi câu đúng = 0,2 điểm*

+ Phần tự luận: 3,0 điểm *(Nhận biết: 0,5 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 1,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung nửa đầu học kì 1: *40% (4,0 điểm; Chủ đề 1-2-5: 33 tiết)*

- Nội dung nửa sau học kì 1: *60% (6,0 điểm; Chủ đề 3-7-8: 26 tiết)*

**Khung ma trận**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Mở đầu (7 tiết)* |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,2 |
| *2. Các phép đo( 10 tiết)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3. Các thể của chất ( 5 tiết)* | 1 | **1** | 1 | 1 |  |  |  |  | 2 | 2 | 1,9 |
| *4. Oxygen và không khí*  *( 3 tiết)* |  | **3** |  | **2** |  |  |  |  |  | 5 | 1 |
| *5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm ( 7 tiết)* |  |  |  | **3** |  |  | **1** |  | 1 | 3 | 1,1 |
| *6. Hỗn hợp ( 6 tiết)* |  | **4** |  |  |  | **1** |  | **1** |  | 6 | 1.2 |
| *7. Tế bào (12 tiết)* |  | **3** |  | **3** | 1 | **1** |  | **1** | 1 | 8 | 1,6 |
| *8. Đa dạng thế giới sống và vi khuẩn.( 9 tiết)* |  | **6** |  | **1** |  | **3** |  |  |  | 10 | 2 |
| **Số số ý / câu** | **1** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **1** | **2** | **4** | **35** | 10.0 |
| **Điểm số** | **0,5** | **3,6** | **1,0** | **2,0** | **1,0** | **1,0** | **0,5** | **0,4** | **3,0** | **7,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,1 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **0,9 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**II/ Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Vị trí câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số câu) | T1N  (Số câu) | TL  (Số câu) | TN  (Số câu) |
| **1. Hóa học** | | |  |  |  |  |
| *Mở đầu về KHTN (3 tiết):*  - Bài 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên.  - Bài 2. An toàn trong phòng thực hành. | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C2 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | 1 |  | C1 |
| - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C12 |
| - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| *Chất quanh ta (7 tiết) :*  - Bài 9. Sự đa dạng của chất  - Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể  - Bài 11. Oxygen. Không khí | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  | 2 |  | C3,4 |
| - Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  | 2 |  | C5,6 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  | 1 |  | C10 |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| - Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. | 1 |  | C2 |  |
| - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  | 3 |  | C7,8,9 |
| **Thông hiểu** | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn, thể lỏng, thể khí. |  | 1 |  | C13 |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  | 1 |  | C14 |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy, sự đông đặc, sự bay hơi, sự ngưng tụ |  |  |  |  |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  | 1 |  | C15 |
| - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  | 1 |  | C16 |
| - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  | 1 |  | C17 |
| - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  | 1 |  | C18 |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| *Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực,  thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (5 tiết):* | **Nhận biết** | - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững | 1 | 1 | C4 | C19 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  | 1 |  | C20 |
| - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | 1 |  | C21 |
| - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  | 2 |  | C22,24 |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | 1 | 2 | C1 | C23,34 |
| - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |
| **2. Vật lý** | | | | | | |
| *Các phép đo (10 tiết):*  - Bài 5. Đo chiều dài.  - Bài 6. Đo khối lượng  - Bài 7. Đo thời gian.  Bài 8. Đo nhiệt độ. | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C25,35 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |  |  |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  | 2 |  | C26,33 |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  | 2 |  | C27,32 |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. |  |  |  |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* | 1 |  | C18 |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
| - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| *Lực trong đời sống (4 tiết)*  *Bài 40. Lực là gì.*  *Bài 41. Biểu diễn lực.* | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  | 1 |  | C28 |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. VD làm biến dạng vật. |  | 1 |  | C29,31 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc |  | 1 |  | C30 |
| Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. |  |  |  |  |
| - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |
| **3. Sinh học** | | | | | | |
| *Mở đầu về KHTN (4 tiết):* | **Nhận biết** | - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | 1 |  | C9 |
| *Tế bào (9 tiết)* | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm tế bào. | 1 |  | C3 |  |
| - Nêu được chức năng của tế bào. |  |  |  |  |
| - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. |  | 1 |  | C10 |
| - Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật. |  |  |  |  |
| - Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào. |  | 1 |  | C11 |
| - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → *n* tế bào). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| *Từ tế bào đến cơ thể (6 tiết)* |  | |  |  |  |  |
| **Nhận biết** | - Nhận biết được cơ thể sống |  |  |  |  |
| - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào |  | 1 |  | C12 |
| - Nêu được mối quan hệ từ tế bào hình thành mô, cơ quan, … |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. |  | 1 |  | C13 |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan. |  |  |  |  |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh hoạ trong thực tế. |  |  |  |  |
| *Đa dạng thế giới sống (11 tiết)* | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm và sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được hai cách gọi tên sinh vật: tên địa phương và tên khoa học. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm vi khuẩn. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. |  | 1 |  | C14 |
| - Nêu được hình dạng, cấu tạo của virut |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các đơn vị phân loại sinh vật. |  | 1 |  | C15 |
| - Hiểu và trình bày được nguyên tắc xây dựng khoá lưỡng phân. |  |  |  |  |
| - Mô tả được hình dạng của vi khuẩn và kể tên các môi trường sống để nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và trong đời sống con người. |  | 1 |  | C16 |
| **Vận dụng** | - Dựa vào sơ đồ, nêu được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khóa lưỡng phân. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...). |  |  |  |  |

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**

**ĐỀ 601**

**ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**Phần 1. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

***Học sinh chọn phương án trả lời đúng vào giấy kiểm tra:***

**Câu 1:** Khí Oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thể tích trong không khí?

A. 21% B. 79% C. 78% D. 15%

**Câu 2:** Khí oxygen cần thiết cho quá trình

A. hô hấp.             B. quang hợp.                C. hòa tan.             D. nóng chảy.

**Câu 3:** Trung bình mỗi giờ, một người lớn hít vào khoảng 501 lít không khí và giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khí. Hỏi một giờ, mỗi người cần trung bình bao nhiêu lít khí oxygen. (Coi khí oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí).

A. 7515 lít. B. 835 lít. C. 33,4 lít. D. 300,6 lít.

**Câu 4:** Cây trồng nào **KHÔNG**được xem là cây lương thực?

A. Lúa mì.              B. Ngô. C. Mía.                                D. Lúa gạo.

**Câu 5:** Thực phẩm nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A.Thịt lợn.                    B. Gạo. C. Rau xanh. D. Ngô.

**Câu 6:** Lứa tuổi từ 11-15 tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là

A. chất béo.                         B. protein. C. calcium.                D. carbohydrate.

**Câu 7:** Phát biểu nào **ĐÚNG**?

A. Thực phẩm như gạo, ngô không chứa tinh bột.

B. Bảo quản thực phẩm không đúng cách làm giảm chất lượng thực phẩm.

C. Thực phẩm bị biến đổi tính chất vẫn sử dụng được.

D. Tất cả các thực phẩm phải nấu chín mới sử dụng được.

**Câu 8:** Cách bảo quản lương thực – thực phẩm nào **KHÔNG ĐÚNG**?

A. Để thịt ngoài không khí trong thời gian dài.

B. Chế biến cá và để trong ngăn đá tủ lạnh.

C. Sấy khô các loại trái cây.

D. Ướp muối cho cá.

**Câu 9:** Ví dụ nào là chất tinh khiết?

A.Nước khoáng.                    B. Nước biển. C. Vàng.              D. Không khí.

**Câu 10:** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. dung dịch.                     B. huyền phù. C. dung môi.                D. nhũ tương.

**Câu 11:** Việc đeo khẩu trang có thể tách được chất nào khỏi không khí khi hít vào?

A. Hơi nước. B. Khí oxygen. C. Khí carbon dioxide. D. Khói bụi.

**Câu 12:** Hỗn hợp nào là hỗn hợp đồng nhất?

A. Nước đường. B. Sữa bột và nước. C. Dầu ăn và nước D. Nước cam.

**Câu 13:** Một hỗn hợp gồm bột sắt và đồng, có thể tách riêng hai chất này bằng cách nào?

A. Hòa tan vào nước. B. Để lắng rồi gạn.

C. Dùng nam châm để hút. D. Lọc.

**Câu 14:** Đặc điểm nào chỉ có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

A. Có nhân hoàn chỉnh. B. Có màng tế bào.

C. Có tế bào chất. D. Chứa chất di truyền.

**Câu 15:** Đơn vị cấu trúc của sự sống là

A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

**Câu 16:** Cấp độ tổ chức cơ thể nào là lớn nhất?

A. Tế bào. B. Cơ quan. C. Hệ cơ quan. D. Mô.

**Câu 17:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.               B. Cây cầu. C. Cây bạch đàn.            D. Ngôi nhà.

**Câu 18:** Cơ thể người lớn lên nhờ

A. sự lớn lên và phân chia của tế bào.

B. sự tăng kích thước của nhân tế bào.

C. các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào nhiều lên.

D. sự lớn lên vô hạn của tế bào.

**Câu 19:** Tim là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ thần kinh. B. Hệ tuần hoàn. C. Hệ tiêu hóa. D. Hệ hô hấp.

**Câu 20:** Lá cây là cấp độ tổ chức nào?

A. Cơ quan B. Hệ cơ quan C. Tế bào D. Mô

**Câu 21:** Một tế bào sau bao nhiêu lần phân chia sẽ tạo ra 8 tế bào con?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 22:** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào?

A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 23:** Sinh vật đơn bào là

A. con gà. B. con cá. C. cây hoa hướng dương. D. trùng biến hình.

**Câu 24:** Đại diện nào sau đây thuộc giới Nguyên sinh?

A. Nấm.                       B. Sò.                      C. Vi khuẩn.                    D. Trùng roi.

**Câu 25:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, vi khuẩn thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Động vật.

**Câu 26:** Loài nào không thuộc giới Thực vật?

A. Tảo lục đơn bào. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 27:** Trong các sinh vật sau: cá voi, dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng, nấm hương, trùng roi xanh, nấm linh chi, vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào, tảo silic, ếch. Các sinh vật thuộc giới Động vật là

A. ếch, cá voi.

B. dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng.

C. vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào.

D. tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi.

**Câu 28:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là thấp nhất?

A. Đại dương. B. Rừng mưa nhiệt đới. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 29:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là cao nhất?

A. Rừng mưa nhiệt đới. B. Bắc Cực. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 30:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, dương xỉ thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Thực vật.

**Câu 31:** Trong các loài dưới đây, loài nào **KHÔNG** thuộc giới Thực vật?

A. Nấm. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 32:** Sinh vật nào **KHÔNG PHẢI** là sinh vật đơn bào?

A. Trùng giày. B. Con cá. C. Vi khuẩn. D. Trùng biến hình.

**Câu 33:** Dạ dày là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ tiêu hoá. B. Hệ nội tiết. C. Hệ bài tiết. D. Hệ thần kinh.

**Câu 34:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.                       B. Cây cầu. C. Con mèo.            D. Ngôi nhà.

**Câu 35:** Tất cả sinh vật đều được tạo nên từ

A. mô. B. cơ quan. C. tế bào. D. hệ cơ quan.

**Phần II. Tự luận (3,0 điểm).**

**Câu 1 (0,5 điểm):** Cho các lương thực, thực phẩm sau: tôm, khoai, thịt, sắn, cà chua, trứng. Em hãy chỉ ra các lương thực giàu tinh bột.

**Câu 2 (1,0 điểm):** Trong phòng thực hành thí nghiệm có hỗn hợp gồm muối ăn và cát. Em hãy trình bày rõ các bước thực hiện tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp trên?

**Câu 3 (1,0 điểm):** So sánh cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

**Câu 4 (0,5 điểm):** Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bếp gas.

a) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

b) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**

**ĐỀ 602**

**ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**Phần 1. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

***Học sinh chọn phương án trả lời đúng vào giấy kiểm tra:***

**Câu 1:** Cây trồng nào **KHÔNG**được xem là cây lương thực?

A. Lúa mì.              B. Ngô. C. Mía.                                D. Lúa gạo.

**Câu 2:** Thực phẩm nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A.Thịt lợn.                    B. Gạo. C. Rau xanh. D. Ngô.

**Câu 3:** Lứa tuổi từ 11-15 tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là

A. chất béo.                         B. protein. C. calcium.                D. carbohydrate.

**Câu 4:** Khí Oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thể tích trong không khí?

A. 21% B. 79% C. 78% D. 15%

**Câu 5:** Khí oxygen cần thiết cho quá trình

A. hô hấp.             B. quang hợp.                C. hòa tan.             D. nóng chảy.

**Câu 6:** Trung bình mỗi giờ, một người lớn hít vào khoảng 501 lít không khí và giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khí. Hỏi một giờ, mỗi người cần trung bình bao nhiêu lít khí oxygen. (Coi khí oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí).

A. 7515 lít. B. 835 lít. C. 33,4 lít. D. 300,6 lít.

**Câu 7:** Phát biểu nào **ĐÚNG**?

A. Thực phẩm như gạo, ngô không chứa tinh bột.

B. Bảo quản thực phẩm không đúng cách làm giảm chất lượng thực phẩm.

C. Thực phẩm bị biến đổi tính chất vẫn sử dụng được.

D. Tất cả các thực phẩm phải nấu chín mới sử dụng được.

**Câu 8:** Cách bảo quản lương thực – thực phẩm nào **KHÔNG ĐÚNG**?

A. Để thịt ngoài không khí trong thời gian dài.

B. Chế biến cá và để trong ngăn đá tủ lạnh.

C. Sấy khô các loại trái cây.

D. Ướp muối cho cá.

**Câu 9:** Ví dụ nào là chất tinh khiết?

A.Nước khoáng.                    B. Nước biển. C. Vàng.              D. Không khí.

**Câu 10:** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. dung dịch.                     B. huyền phù. C. dung môi.                D. nhũ tương.

**Câu 11:** Việc đeo khẩu trang có thể tách được chất nào khỏi không khí khi hít vào?

A. Hơi nước. B. Khí oxygen. C. Khí carbon dioxide. D. Khói bụi.

**Câu 12:** Hỗn hợp nào là hỗn hợp đồng nhất?

A. Nước đường. B. Sữa bột và nước. C. Dầu ăn và nước D. Nước cam.

**Câu 13:** Một hỗn hợp gồm bột sắt và đồng, có thể tách riêng hai chất này bằng cách nào?

A. Hòa tan vào nước. B. Để lắng rồi gạn.

C. Dùng nam châm để hút. D. Lọc.

**Câu 14:** Cơ thể người lớn lên nhờ

A. sự lớn lên và phân chia của tế bào.

B. sự tăng kích thước của nhân tế bào.

C. các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào nhiều lên.

D. sự lớn lên vô hạn của tế bào.

**Câu 15:** Tim là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ thần kinh. B. Hệ tuần hoàn. C. Hệ tiêu hóa. D. Hệ hô hấp.

**Câu 16:** Lá cây là cấp độ tổ chức nào?

A. Cơ quan B. Hệ cơ quan C. Tế bào D. Mô

**Câu 17:** Một tế bào sau bao nhiêu lần phân chia sẽ tạo ra 8 tế bào con?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 18:** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào?

A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 19:** Sinh vật đơn bào là

A. con gà. B. con cá. C. cây hoa hướng dương. D. trùng biến hình.

**Câu 20:** Đại diện nào sau đây thuộc giới Nguyên sinh?

A. Nấm.                       B. Sò.                      C. Vi khuẩn.                    D. Trùng roi.

**Câu 21:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, vi khuẩn thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Động vật.

**Câu 22:** Loài nào không thuộc giới Thực vật?

A. Tảo lục đơn bào. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 23:** Trong các sinh vật sau: cá voi, dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng, nấm hương, trùng roi xanh, nấm linh chi, vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào, tảo silic, ếch. Các sinh vật thuộc giới Động vật là

A. ếch, cá voi.

B. dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng.

C. vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào.

D. tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi.

**Câu 24:** Trong các loài dưới đây, loài nào **KHÔNG** thuộc giới Thực vật?

A. Nấm. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 25:** Sinh vật nào **KHÔNG PHẢI** là sinh vật đơn bào?

A. Trùng giày. B. Con cá. C. Vi khuẩn. D. Trùng biến hình.

**Câu 26:** Dạ dày là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ tiêu hoá. B. Hệ nội tiết. C. Hệ bài tiết. D. Hệ thần kinh.

**Câu 27:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.                       B. Cây cầu. C. Con mèo.            D. Ngôi nhà.

**Câu 28:** Tất cả sinh vật đều được tạo nên từ

A. mô. B. cơ quan. C. tế bào. D. hệ cơ quan.

**Câu 29:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là thấp nhất?

A. Đại dương. B. Rừng mưa nhiệt đới. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 30:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là cao nhất?

A. Rừng mưa nhiệt đới. B. Bắc Cực. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 31:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, dương xỉ thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Thực vật.

**Câu 32:** Đặc điểm nào chỉ có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

A. Có nhân hoàn chỉnh. B. Có màng tế bào.

C. Có tế bào chất. D. Chứa chất di truyền.

**Câu 33:** Đơn vị cấu trúc của sự sống là

A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

**Câu 34:** Cấp độ tổ chức cơ thể nào là lớn nhất?

A. Tế bào. B. Cơ quan. C. Hệ cơ quan. D. Mô.

**Câu 35:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.               B. Cây cầu. C. Cây bạch đàn.            D. Ngôi nhà.

**Phần II. Tự luận (3,0 điểm).**

**Câu 1 (0,5 điểm):** Cho các lương thực, thực phẩm sau: tôm, khoai, thịt, sắn, cà chua, trứng. Em hãy chỉ ra các lương thực giàu tinh bột.

**Câu 2 (1,0 điểm):** Trong phòng thực hành thí nghiệm có hỗn hợp gồm muối ăn và cát. Em hãy trình bày rõ các bước thực hiện tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp trên?

**Câu 3 (1,0 điểm):** So sánh cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

**Câu 4 (0,5 điểm):** Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bếp gas.

a) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

b) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**

**ĐỀ 603**

**ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**Phần 1. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

***Học sinh chọn phương án trả lời đúng vào giấy kiểm tra:***

**Câu 1:** Ví dụ nào là chất tinh khiết?

A.Nước khoáng.                    B. Nước biển. C. Vàng.              D. Không khí.

**Câu 2:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.               B. Cây cầu. C. Cây bạch đàn.            D. Ngôi nhà.

**Câu 3:** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. dung dịch.                     B. huyền phù. C. dung môi.                D. nhũ tương.

**Câu 4:** Việc đeo khẩu trang có thể tách được chất nào khỏi không khí khi hít vào?

A. Hơi nước. B. Khí oxygen. C. Khí carbon dioxide. D. Khói bụi.

**Câu 5:** Khí Oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thể tích trong không khí?

A. 21% B. 79% C. 78% D. 15%

**Câu 6:** Khí oxygen cần thiết cho quá trình

A. hô hấp.             B. quang hợp.                C. hòa tan.             D. nóng chảy.

**Câu 7:** Trung bình mỗi giờ, một người lớn hít vào khoảng 501 lít không khí và giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khí. Hỏi một giờ, mỗi người cần trung bình bao nhiêu lít khí oxygen. (Coi khí oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí).

A. 7515 lít. B. 835 lít. C. 33,4 lít. D. 300,6 lít.

**Câu 8:** Tim là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ thần kinh. B. Hệ tuần hoàn. C. Hệ tiêu hóa. D. Hệ hô hấp.

**Câu 9:** Lá cây là cấp độ tổ chức nào?

A. Cơ quan B. Hệ cơ quan C. Tế bào D. Mô

**Câu 10:** Một tế bào sau bao nhiêu lần phân chia sẽ tạo ra 8 tế bào con?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 11:** Phát biểu nào **ĐÚNG**?

A. Thực phẩm như gạo, ngô không chứa tinh bột.

B. Bảo quản thực phẩm không đúng cách làm giảm chất lượng thực phẩm.

C. Thực phẩm bị biến đổi tính chất vẫn sử dụng được.

D. Tất cả các thực phẩm phải nấu chín mới sử dụng được.

**Câu 12:** Cây trồng nào **KHÔNG**được xem là cây lương thực?

A. Lúa mì.              B. Ngô. C. Mía.                                D. Lúa gạo.

**Câu 13:** Thực phẩm nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A.Thịt lợn.                    B. Gạo. C. Rau xanh. D. Ngô.

**Câu 14:** Lứa tuổi từ 11-15 tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là

A. chất béo.                         B. protein. C. calcium.                D. carbohydrate.

**Câu 15:** Cách bảo quản lương thực – thực phẩm nào **KHÔNG ĐÚNG**?

A. Để thịt ngoài không khí trong thời gian dài.

B. Chế biến cá và để trong ngăn đá tủ lạnh.

C. Sấy khô các loại trái cây.

D. Ướp muối cho cá.

**Câu 16:** Hỗn hợp nào là hỗn hợp đồng nhất?

A. Nước đường. B. Sữa bột và nước. C. Dầu ăn và nước D. Nước cam.

**Câu 17:** Một hỗn hợp gồm bột sắt và đồng, có thể tách riêng hai chất này bằng cách nào?

A. Hòa tan vào nước. B. Để lắng rồi gạn.

C. Dùng nam châm để hút. D. Lọc.

**Câu 18:** Cơ thể người lớn lên nhờ

A. sự lớn lên và phân chia của tế bào.

B. sự tăng kích thước của nhân tế bào.

C. các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào nhiều lên.

D. sự lớn lên vô hạn của tế bào.

**Câu 19:** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào?

A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 20:** Loài nào không thuộc giới Thực vật?

A. Tảo lục đơn bào. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 21:** Trong các sinh vật sau: cá voi, dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng, nấm hương, trùng roi xanh, nấm linh chi, vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào, tảo silic, ếch. Các sinh vật thuộc giới Động vật là

A. ếch, cá voi.

B. dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng.

C. vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào.

D. tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi.

**Câu 22:** Trong các loài dưới đây, loài nào **KHÔNG** thuộc giới Thực vật?

A. Nấm. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 23:** Sinh vật nào **KHÔNG PHẢI** là sinh vật đơn bào?

A. Trùng giày. B. Con cá. C. Vi khuẩn. D. Trùng biến hình.

**Câu 24:** Sinh vật đơn bào là

A. con gà. B. con cá. C. cây hoa hướng dương. D. trùng biến hình.

**Câu 25:** Đại diện nào sau đây thuộc giới Nguyên sinh?

A. Nấm.                       B. Sò.                      C. Vi khuẩn.                    D. Trùng roi.

**Câu 26:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, vi khuẩn thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Động vật.

**Câu 27:** Dạ dày là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ tiêu hoá. B. Hệ nội tiết. C. Hệ bài tiết. D. Hệ thần kinh.

**Câu 28:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.                       B. Cây cầu. C. Con mèo.            D. Ngôi nhà.

**Câu 29:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, dương xỉ thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Thực vật.

**Câu 30:** Đặc điểm nào chỉ có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

A. Có nhân hoàn chỉnh. B. Có màng tế bào.

C. Có tế bào chất. D. Chứa chất di truyền.

**Câu 31:** Tất cả sinh vật đều được tạo nên từ

A. mô. B. cơ quan. C. tế bào. D. hệ cơ quan.

**Câu 32:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là thấp nhất?

A. Đại dương. B. Rừng mưa nhiệt đới. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 33:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là cao nhất?

A. Rừng mưa nhiệt đới. B. Bắc Cực. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 34:** Đơn vị cấu trúc của sự sống là

A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

**Câu 35:** Cấp độ tổ chức cơ thể nào là lớn nhất?

A. Tế bào. B. Cơ quan. C. Hệ cơ quan. D. Mô.

**Phần II. Tự luận (3,0 điểm).**

**Câu 1 (0,5 điểm):** Cho các lương thực, thực phẩm sau: tôm, khoai, thịt, sắn, cà chua, trứng. Em hãy chỉ ra các lương thực giàu tinh bột.

**Câu 2 (1,0 điểm):** Trong phòng thực hành thí nghiệm có hỗn hợp gồm muối ăn và cát. Em hãy trình bày rõ các bước thực hiện tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp trên?

**Câu 3 (1,0 điểm):** So sánh cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

**Câu 4 (0,5 điểm):** Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bếp gas.

a) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

b) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**

**ĐỀ 604**

**ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**Phần 1. Trắc nghiệm (7,0 điểm)**

***Học sinh chọn phương án trả lời đúng vào giấy kiểm tra:***

**Câu 1:** Ví dụ nào là chất tinh khiết?

A.Nước khoáng.                    B. Nước biển. C. Vàng.              D. Không khí.

**Câu 2:** Việc đeo khẩu trang có thể tách được chất nào khỏi không khí khi hít vào?

A. Hơi nước. B. Khí oxygen. C. Khí carbon dioxide. D. Khói bụi.

**Câu 3:** Khí Oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thể tích trong không khí?

A. 21% B. 79% C. 78% D. 15%

**Câu 4:** Khí oxygen cần thiết cho quá trình

A. hô hấp.             B. quang hợp.                C. hòa tan.             D. nóng chảy.

**Câu 5:** Trung bình mỗi giờ, một người lớn hít vào khoảng 501 lít không khí và giữ lại 1/3 lượng oxygen trong không khí. Hỏi một giờ, mỗi người cần trung bình bao nhiêu lít khí oxygen. (Coi khí oxygen chiếm 1/5 thể tích không khí).

A. 7515 lít. B. 835 lít. C. 33,4 lít. D. 300,6 lít.

**Câu 6:** Tim là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ thần kinh. B. Hệ tuần hoàn. C. Hệ tiêu hóa. D. Hệ hô hấp.

**Câu 7:** Lá cây là cấp độ tổ chức nào?

A. Cơ quan B. Hệ cơ quan C. Tế bào D. Mô

**Câu 8:** Một tế bào sau bao nhiêu lần phân chia sẽ tạo ra 8 tế bào con?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 9:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.               B. Cây cầu. C. Cây bạch đàn.            D. Ngôi nhà.

**Câu 10:** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

A. dung dịch.                     B. huyền phù. C. dung môi.                D. nhũ tương.

**Câu 11:** Phát biểu nào **ĐÚNG**?

A. Thực phẩm như gạo, ngô không chứa tinh bột.

B. Bảo quản thực phẩm không đúng cách làm giảm chất lượng thực phẩm.

C. Thực phẩm bị biến đổi tính chất vẫn sử dụng được.

D. Tất cả các thực phẩm phải nấu chín mới sử dụng được.

**Câu 12:** Cây trồng nào **KHÔNG**được xem là cây lương thực?

A. Lúa mì.              B. Ngô. C. Mía.                                D. Lúa gạo.

**Câu 13:** Cách bảo quản lương thực – thực phẩm nào **KHÔNG ĐÚNG**?

A. Để thịt ngoài không khí trong thời gian dài.

B. Chế biến cá và để trong ngăn đá tủ lạnh.

C. Sấy khô các loại trái cây.

D. Ướp muối cho cá.

**Câu 14:** Hỗn hợp nào là hỗn hợp đồng nhất?

A. Nước đường. B. Sữa bột và nước. C. Dầu ăn và nước D. Nước cam.

**Câu 15:** Một hỗn hợp gồm bột sắt và đồng, có thể tách riêng hai chất này bằng cách nào?

A. Hòa tan vào nước. B. Để lắng rồi gạn.

C. Dùng nam châm để hút. D. Lọc.

**Câu 16:** Cơ thể người lớn lên nhờ

A. sự lớn lên và phân chia của tế bào.

B. sự tăng kích thước của nhân tế bào.

C. các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào nhiều lên.

D. sự lớn lên vô hạn của tế bào.

**Câu 17:** Thực phẩm nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

A.Thịt lợn.                    B. Gạo. C. Rau xanh. D. Ngô.

**Câu 18:** Lứa tuổi từ 11-15 tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là

A. chất béo.                         B. protein. C. calcium.                D. carbohydrate.

**Câu 19:** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào?

A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 20:** Trong các loài dưới đây, loài nào **KHÔNG** thuộc giới Thực vật?

A. Nấm. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 21:** Sinh vật nào **KHÔNG PHẢI** là sinh vật đơn bào?

A. Trùng giày. B. Con cá. C. Vi khuẩn. D. Trùng biến hình.

**Câu 22:** Sinh vật đơn bào là

A. con gà. B. con cá. C. cây hoa hướng dương. D. trùng biến hình.

**Câu 23:** Loài nào không thuộc giới Thực vật?

A. Tảo lục đơn bào. B. Dương xỉ. C. Rêu. D. Thông.

**Câu 24:** Trong các sinh vật sau: cá voi, dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng, nấm hương, trùng roi xanh, nấm linh chi, vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào, tảo silic, ếch. Các sinh vật thuộc giới Động vật là

A. ếch, cá voi.

B. dương xỉ, cây tùng, cây hoa hồng.

C. vi khuẩn lam, tảo lục đơn bào.

D. tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng roi.

**Câu 25:** Đại diện nào sau đây thuộc giới Nguyên sinh?

A. Nấm.                       B. Sò.                      C. Vi khuẩn.                    D. Trùng roi.

**Câu 26:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, vi khuẩn thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Động vật.

**Câu 27:** Dạ dày là một cơ quan thuộc hệ cơ quan nào của cơ thể người?

A. Hệ tiêu hoá. B. Hệ nội tiết. C. Hệ bài tiết. D. Hệ thần kinh.

**Câu 28:** Vật nào có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.                       B. Cây cầu. C. Con mèo.            D. Ngôi nhà.

**Câu 29:** Trong hệ thống phân loại 5 giới sinh vật, dương xỉ thuộc giới nào?

A. Giới Khởi sinh. B. Giới Nấm. C. Giới Nguyên sinh. D. Giới Thực vật.

**Câu 30:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là thấp nhất?

A. Đại dương. B. Rừng mưa nhiệt đới. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 31:** Môi trường sống nào có mức độ đa dạng loài là cao nhất?

A. Rừng mưa nhiệt đới. B. Bắc Cực. C. Sa mạc. D. Rừng ngập mặn ven biển.

**Câu 32:** Đơn vị cấu trúc của sự sống là

A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

**Câu 33:** Cấp độ tổ chức cơ thể nào là lớn nhất?

A. Tế bào. B. Cơ quan. C. Hệ cơ quan. D. Mô.

**Câu 34:** Đặc điểm nào chỉ có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

A. Có nhân hoàn chỉnh. B. Có màng tế bào.

C. Có tế bào chất. D. Chứa chất di truyền.

**Câu 35:** Tất cả sinh vật đều được tạo nên từ

A. mô. B. cơ quan. C. tế bào. D. hệ cơ quan.

**Phần II. Tự luận (3,0 điểm).**

**Câu 1 (0,5 điểm):** Cho các lương thực, thực phẩm sau: tôm, khoai, thịt, sắn, cà chua, trứng. Em hãy chỉ ra các lương thực giàu tinh bột.

**Câu 2 (1,0 điểm):** Trong phòng thực hành thí nghiệm có hỗn hợp gồm muối ăn và cát. Em hãy trình bày rõ các bước thực hiện tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp trên?

**Câu 3 (1,0 điểm):** So sánh cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

**Câu 4 (0,5 điểm):** Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bếp gas.

a) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

b) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**

**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**

**ĐỀ 604**

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Trắc nghiệm** | | |
| **Đề 601** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **C1** | **C2** | **C3** | **C4** | **C5** | **C6** | **C7** | **C8** | **C9** | **C10** | **C11** | **C12** | **C13** | **C14** | **C15** | **C16** | **C17** |  | | **A** | **A** | **C** | **C** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **D** | **A** | **C** | **A** | **B** | **C** | **C** |  | | **C18** | **C19** | **C20** | **C21** | **C22** | **C23** | **C24** | **C25** | **C26** | **C27** | **C28** | **C29** | **C30** | **C31** | **C32** | **C33** | **C34** | **C35** | | **A** | **B** | **A** | **C** | **A** | **D** | **D** | **A** | **A** | **A** | **C** | **A** | **D** | **A** | **B** | **A** | **C** | **C** | |  |
| **ĐỀ 602** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **C1** | **C2** | **C3** | **C4** | **C5** | **C6** | **C7** | **C8** | **C9** | **C10** | **C11** | **C12** | **C13** | **C14** | **C15** | **C16** | **C17** |  | | **C** | **A** | **C** | **A** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **D** | **A** | **C** | **A** | **B** | **A** | **C** |  | | **C18** | **C19** | **C20** | **C21** | **C22** | **C23** | **C24** | **C25** | **C26** | **C27** | **C28** | **C29** | **C30** | **C31** | **C32** | **C33** | **C34** | **C35** | | **A** | **D** | **D** | **A** | **A** | **A** | **A** | **B** | **A** | **C** | **C** | **C** | **A** | **D** | **A** | **B** | **C** | **C** | |  |
| **ĐỀ 603** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **C1** | **C2** | **C3** | **C4** | **C5** | **C6** | **C7** | **C8** | **C9** | **C10** | **C11** | **C12** | **C13** | **C14** | **C15** | **C16** | **C17** |  | | **C** | **C** | **B** | **D** | **A** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **C** | **A** | **C** | **A** | **A** | **C** |  | | **C18** | **C19** | **C20** | **C21** | **C22** | **C23** | **C24** | **C25** | **C26** | **C27** | **C28** | **C29** | **C30** | **C31** | **C32** | **C33** | **C34** | **C35** | | **A** | **A** | **A** | **A** | **A** | **B** | **D** | **D** | **A** | **A** | **C** | **D** | **A** | **C** | **C** | **A** | **B** | **C** | |  |
| **ĐỀ 604** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **C1** | **C2** | **C3** | **C4** | **C5** | **C6** | **C7** | **C8** | **C9** | **C10** | **C11** | **C12** | **C13** | **C14** | **C15** | **C16** | **C17** |  | | **C** | **D** | **A** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **C** | **B** | **B** | **C** | **A** | **A** | **C** | **A** | **A** |  | | **C18** | **C19** | **C20** | **C21** | **C22** | **C23** | **C24** | **C25** | **C26** | **C27** | **C28** | **C29** | **C30** | **C31** | **C32** | **C33** | **C34** | **C35** | | **C** | **A** | **A** | **B** | **D** | **A** | **A** | **D** | **A** | **A** | **C** | **D** | **C** | **A** | **B** | **C** | **A** | **C** | |  |
| ***Câu 1***  ***(0,5đ )*** | **- Các lương thực giàu tinh bột là: khoai, sắn.** | **0,5** |
| ***Câu 2***  ***(1,0đ )*** | **Cách tách riêng từng chất ra khỏi hỗn hợp muối ăn và cát là**  - Hòa tan hỗn hợp trên vào nước. Muối ăn tan trong nước còn cát không tan trong nước.  - Đổ hỗn hợp cát và nước muối qua giấy lọc ta thu được nước muối riêng còn cát ở trên giấy lọc.  - Phơi (sấy) cát ướt để thu được cát khô.  - Cô cạn hỗn hợp nước muối, nước bốc hơi hết sẽ thu được muối ăn. | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
| ***Câu 3***  ***(1,0 đ)*** | **So sánh cấu tạo tế nhân sơ và tế bào nhân thực**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Loại tế bào** | **Cấu tạo** | | | | **Giống nhau** | **Khác nhau** | | **Tế bào nhân sơ** | - Màng sinh chất  - Tế bào chất | - Chưa có nhân hoàn chỉnh, không chứa bào quan có màng. | | **Tế bào nhân thực** | - Có nhân và các bào quan có màng. |   *(HS chỉ ra đủ các đặc điểm giống nhau được 0,5 điểm, khác nhau được 0,5 điểm. Nếu HS chỉ ra thiếu hoặc sai 1 đặc điểm trừ 0,25 điểm).* | **1,0** |
| ***Câu 4***  ***(0,5 đ)*** | a) Để bình gas nơi thoáng khí đề khi lỡ có rò gas thì khí cũng bay ra xa, làm loãng lượng gas trong không gian nhà bếp và tránh được nguy cơ cháy nổ.  b) Đi học về mà ngửi thấy mùi gas thì nên:  - Mở hết cửa để khi gas bay ra ngoài.  - Khoá van an toàn ở bình gas.  - Tuyệt đối không bật công tắc điện, không đánh lửa.  - Báo cho người lớn để kiểm tra và sửa chữa trước khi sử dụng lại | **0,25**  **0,25** |

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT** | **TT. CM GIÁO VIÊN** |